

THÔN HÒA SƠN - XÃ CẨM HƯNG

BIỂU THÔNG KÊ THIẾT HẠI SẢN XUẤT NÔNG NGHIỆP SAU BÃO SỐ 5

TT	HỘ GIA ĐÌNH	Cây lúa (Sau gieo trồng trên 45 ngày)		Diện tích trên 1/2 chu kỳ khai thác		Kinh phí hỗ trợ thiệt hại
		Thiệt hại trên 70% diện tích	Thiệt hại từ 30% đến 70% diện tích	Thiệt hại trên 70% diện tích	Thiệt hại từ 30% đến 70% diện tích	
1	Nguyễn Đình Báu		390			194.950
			750			375.000
2	Nguyễn Đình Lý		722			361.000
3	Kiều Đình Cỏn (Làm ruộng chi hội phụ nữ)		1.000			500.000
4	Cao Văn Ân		685			342.500
5	Nguyễn Trọng Thanh		526			262.875
6	Nguyễn Trí Huệ		1.193			596.500
7	Phan Xuân Cường		610			305.000
			437			218.700
			300			150.000
8	Cao Thị Thư		165			82.350
			500			250.000
9	Cao Văn Cường		581			290.250
			437			218.500

TT	HỘ GIA ĐÌNH	Cây lúa (Sau gieo trồng trên 45 ngày)		Diện tích trên 1/2 chu kỳ khai thác		Kinh phí hỗ trợ thiệt hại
		Thiệt hại trên 70% diện tích	Thiệt hại từ 30% đến 70% diện tích	Thiệt hại trên 70% diện tích	Thiệt hại từ 30% đến 70% diện tích	
10	Nguyễn Thị Viêm		148			73.800
11	Trần Thị Liên		195			97.500
12	Trần ĐìnhNgọc		558			278.750
13	Cao Văn Thiểu		306			153.200
14	Nguyễn Trí Hà	244				244.000
15	Lê Ngọc cảnh		497			248.500
16	Lê Thị Cẩm		352			176.200
17	Kiều Đình Bính		242			120.800
18	Cao Thị Hương		265			132.600
19	Nguyễn Hữu Vinh		511			255.600
			1.000			500.000
20	Nguyễn Hữu Phương		504			252.000
21	Cao Văn Sừ		335			167.700
22	Lê Thị Hoan		200			100.000
23	Nguyễn Văn Thìn		438			218.750
		500				500.000

TT	HỘ GIA ĐÌNH	Cây lúa (Sau gieo trồng trên 45 ngày)		Diện tích trên 1/2 chu kỳ khai thác		Kinh phí hỗ trợ thiệt hại
		Thiệt hại trên 70% diện tích	Thiệt hại từ 30% đến 70% diện tích	Thiệt hại trên 70% diện tích	Thiệt hại từ 30% đến 70% diện tích	
			857			428.500
24	Nguyễn Đình Ngạn		629			314.550
25	Cao Văn Hải		638			319.050
			879			439.500
26	Kiều Đình Hường		503			251.550
27	Nguyễn Đình Luận		171			85.400
28	Nguyễn Đình Khường		358			178.800
29	Nguyễn Đình Trường		666			332.750
			400			200.000
30	Nguyễn Hữu Ngụ	666				666.000
		179				179.000
31	Phan Thị Cử	151				150.800
32	Phan Xuân Thương	150				150.000
33	Nguyễn Hữu Ván		259			129.500
34	Phạm Đình Vũ		247			123.600
		600				600.000

TT	HỘ GIA ĐÌNH	Cây lúa (Sau gieo trồng trên 45 ngày)		Diện tích trên 1/2 chu kỳ khai thác		Kinh phí hỗ trợ thiệt hại
		Thiệt hại trên 70% diện tích	Thiệt hại từ 30% đến 70% diện tích	Thiệt hại trên 70% diện tích	Thiệt hại từ 30% đến 70% diện tích	
35	Nguyễn Đình Hoa		1.041			520.400
			40			20.000
36	Nguyễn Trí Thuận		322			161.000
			448			224.200
37	Phan Xuân Hạnh	400				400.000
38	Lê Ngọc Hải		240			120.000
39	Trần Đình Bình		362			180.750
40	Nguyễn Đình Tạo		248			124.000
41	Phạm Đình Hoàng		240			120.000
42	Phan Thị Xoan(Con: Trần ĐìnhTĩnh)		545			272.250
43	Nguyễn Thị Diệu(Con: Trần Đình Hội)		248			124.200
44	Nguyễn Đình Vân		1.492			746.100
45	Cao Thị Hải		200			100.000
46	Cao Văn Thao		400			200.000
			280			140.000

TT	HỘ GIA ĐÌNH	Cây lúa (Sau gieo trồng trên 45 ngày)		Diện tích trên 1/2 chu kỳ khai thác		Kinh phí hỗ trợ thiệt hại
		Thiệt hại trên 70% diện tích	Thiệt hại từ 30% đến 70% diện tích	Thiệt hại trên 70% diện tích	Thiệt hại từ 30% đến 70% diện tích	
47	Võ Văn Ủy	400				400.000
		280				280.000
48	Trần Đình Ngọc			2.819		4.228.950
					5.639	4.228.950
49	Lê Thị Hành		718			359.100
50	Phan Xuân Trung		1.000			500.000
51	Nguyễn Đình Cồn	1.500				1.500.000
52	Nguyễn Văn Bắc	600				600.000
53	Cao Văn Trọng	500				500.000
54	Nguyễn Văn Lành	500				500.000
55	Lê Ngọc Cường		100			50.000
56	Nguyễn Đình Báu			747		1.120.808
					1.494	1.120.808
57	Kiều Đình Toàn		500			250.000
58	Cao Văn Vị		1.200			600.000
59	Trần Đình Trinh		1.300			650.000

TT	HỘ GIA ĐÌNH	Cây lúa (Sau gieo trồng trên 45 ngày)		Diện tích trên 1/2 chu kỳ khai thác		Kinh phí hỗ trợ thiệt hại
		Thiệt hại trên 70% diện tích	Thiệt hại từ 30% đến 70% diện tích	Thiệt hại trên 70% diện tích	Thiệt hại từ 30% đến 70% diện tích	
60	Trần Đình Tường		500			250.000
61	Phan Xuân Trinh		750			375.000
62	Cao Văn Hạnh		500			250.000
63	Nguyễn Đình Vệ		1.200			600.000
64	Nguyễn Đình Ngàn		1.000			500.000
65	Trần Đình Hợi		750			375.000
66	Nguyễn Đình Trung		300			150.000
67	Nguyễn Hữu Quang		300			150.000
68	Nguyễn Xuân Hà		1.500			750.000
69	Cao Văn Lưu		1.500			750.000
70	Hội nông dân (Phan Huy Trung)		600			300.000
71	Hộ cựu chiến binh (Lê Thị Thuyết)		600			300.000
72	Cao Văn Quang		500			250.000
73	Cao Văn Hạnh			4.855		7.282.815
					9.710	7.282.815

TT	HỘ GIA ĐÌNH	Cây lúa (Sau gieo trồng trên 45 ngày)		Diện tích trên 1/2 chu kỳ khai thác		Kinh phí hỗ trợ thiệt hại
		Thiệt hại trên 70% diện tích	Thiệt hại từ 30% đến 70% diện tích	Thiệt hại trên 70% diện tích	Thiệt hại từ 30% đến 70% diện tích	
74	Cao Phi Yến	500				500.000
75	Hồ Viết Tịnh		400			200.000
76	Võ Văn Quý		1.493			746.500
77	Nguyễn Hữu Kiều		420			210.000
78	Trần Đình Khánh		345			172.400
79	Nguyễn Đình Tuấn		600			300.000
80	Lê Viết Phúc		222			111.200
81	Nguyễn Đình Long		600			300.000
82	Kiều Đình Chinh		222			111.200
	Tổng hợp	7.170	44.679	8.422	16.843	54.774.470